

Số: / BC - BKS

Bình Phước, ngày 30 tháng 03 năm 2011

## **BÁO CÁO** **CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010**

Kính thưa: quý Cổ đông

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong điều lệ Công ty cổ phần cao su Đồng Phú.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội kết quả giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty cổ phần cao su Đồng Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 như sau:

### **A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2007 – 2012, được đại hội đồng cổ đông thành lập bầu gồm có 3 thành viên (trong đó có một trưởng ban, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm). Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện quy trình kiểm tra giám sát theo đúng điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của ban, cụ thể:

Ban kiểm soát thực hiện hoạt động kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010 trong việc quản lý điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

Xem xét, kiểm tra các báo cáo Tài chính hàng quý, năm; đánh giá tính chính xác hợp lý của các số liệu tài chính.

Giám sát việc chấp hành pháp luật, tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

### **B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY:**

**I. Tình hình quản lý sử dụng đất:** Tổng diện tích vườn cây công ty hiện quản lý: 10.046,28ha. Trong đó:

Diện tích vườn cây kinh doanh: 7.245,23 ha,

Diện tích vườn cây kiến thiết cơ bản: 2.485,40 ha

Diện tích vườn cây thanh lý trồng tái canh: 315,65ha

Tổng diện tích đất đã được cấp chủ quyền (sổ đỏ) là: 8.689,78 ha

Còn lại chưa cấp: 1.356,5 ha

Nguyên nhân: Đất trồng mới Nông trường Tân Hưng do UBND Tỉnh giao chuyển đổi từ Lâm trường Suối Nhung đang làm thủ tục.

## **II. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu:**

| <b>STT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                    | <b>ĐVT</b> | <b>Kế hoạch</b> | <b>Thực hiện</b> | <b>Tỉ lệ TH</b> |
|------------|------------------------------------|------------|-----------------|------------------|-----------------|
| 1          | Sản lượng khai thác                | Tấn        | 16.000          | 16.134           | 100,8%          |
|            | Năng suất                          | Tấn        | 2,21            | 2,23             | 100,8%          |
| 2          | Sản lượng thu mua                  | Tấn        | 2.500           | 1.983            | 79%             |
| 3          | Sản lượng tiêu thụ (kể cả thu mua) | Tấn        | 18.500          | 16.463.74        | 89%             |
| 4          | Giá thành sản xuất                 | Nghìn đồng | 25.107          | 34.344           | 136,8%          |
| 5          | Giá bán BQ                         | Nghìn đồng | 40.000          | 62.436           | 156%            |
| 6          | Doanh thu cao su                   | triệu đồng | 737.500         | 1.028.362        | 139,4%          |
|            | Tồn kho đầu kỳ                     | Tấn        |                 | 1.051            |                 |
|            | Tồn kho cuối kỳ                    | Tấn        |                 | 2.114            |                 |

Các chỉ tiêu SXKD chủ yếu thực hiện năm 2010 đều đạt và vượt mức nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Sản lượng tiêu thụ chưa đạt kế hoạch là do chiến lược dự trữ hàng tồn kho đón đầu giá bán tăng trong quý I/2011. Giá bán bình quân tại kho năm 2010: 62.463.740đ/tấn; so cùng kỳ 2009 tăng : 96,41%; số tuyệt đối tăng: 30.661.604đ/tấn. Thu mua mủ tiểu điền đạt thấp, nguyên nhân chất lượng mủ tiểu điền thiếu ổn định, một số chưa đáp ứng yêu cầu chủng loại sản phẩm sản xuất.

## **III. Tình hình đầu tư các dự án:**

Tổng vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn trong năm 109.238.779.658đ, lũy kế đến 31/12/2010: 443.402.622.843, trong đó tập trung cho các dự án phát triển cao su trong ngành; cụ thể góp vốn 2010:

### **Đầu tư vào công ty con:**

Cty CP cao su Đồng Phú- Đaknong: 13.408.645.000

Cty CP KCN Bắc Đồng Phú: 9.215.283.207

### **Đầu tư công ty liên kết, góp vốn dài hạn:**

Cty CP cao su Đồng Phú Kratie: 52.914.851.451

Cty CP cao su Kỹ thuật Đồng Phú: 16.600.000.000

Cty CP cao su Sa Thầy: 10.800.000.000

Cty CP TMDVDL Cao Su: 6.300.000.000

Hầu hết các dự án đều đang phát triển tốt, trong đó đáng ghi nhận là dự án trồng mới cao su tại công ty CP Đồng Phú – Kratie (Campuchia) năm 2010 trồng được 2.115 ha, nâng tổng số trồng được trong 3 năm lên 3.261 ha cao su, chất lượng vườn cây sinh trưởng tốt được Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đánh giá cao.

Cổ tức và lợi nhuận được chia năm 2010 từ các dự án đầu tư: 532.222.253đ; lũy kế cổ tức và lợi nhuận đã được chia của các dự án:

| ĐVT: đồng |                              |                      |
|-----------|------------------------------|----------------------|
| STT       | Công ty                      | Cổ tức, LN đã nhận   |
| 1         | Cty BOT Bình Dương           | 2.844.139.000        |
| 2         | Cty CP BOT Bình Phước        | 1.750.000.000        |
| 3         | Cty CP Khu CN Hồ Nai         | 570.374.700          |
| 4         | Cty dịch vụ DL cao su        | 163.051.522          |
| 5         | Cty CP Chế biến gỗ Thuận An  | 1.850.293.800        |
| 6         | Trạm trộn bê tông Bình Phước | 257.825.571          |
|           | <b>Tổng cộng:</b>            | <b>7.435.684.593</b> |

#### IV. THẨM ĐỊNH CÔNG TRÌNH XDCB TRONG NĂM 2010

- Tổng vốn đầu tư XDCB dở dang đầu kỳ: 120.198.886.751đ
- Tổng vốn đầu tư XDCB năm 2010 : 53.100.532.395đ
- Trong năm bàn giao và đưa vào sử dụng tổng giá trị :20.274.621.599đ
- Các công trình XDCB dở dang chuyển sang năm sau tổng giá trị: 152.726.662.547đ, trong đó:

Công trình nông nghiệp, giao thông: 124.175.834.494đ

Công trình kiến trúc: 334.313.725đ

Chi phí kiến thiết cơ bản khác: 22.610.595.328đ

Lãi vay đầu tư dự án trồng cao su: 5.605.919.000đ

Qua kiểm tra chọn mẫu các công trình xây dựng cơ bản chưa thấy có vi phạm về thủ tục, trình tự XDCB.

#### V. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

##### 1. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2010:

Báo cáo tài chính cho niên độ từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 đã được kiểm toán, phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính công ty tại thời điểm 31/12/2010; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan. Qua kiểm tra chọn mẫu, các khoản chi phí của công ty đều có chứng từ hợp lý, hợp lệ.

Đến 31/12/2010 tình hình vốn và nguồn vốn của công ty như sau :

| Đvt : đồng |                                     |                         |                        |
|------------|-------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| STT        | TÀI SẢN                             | SỐ CUỐI NĂM             | SỐ ĐẦU NĂM             |
| <b>I</b>   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>691.585.219.472</b>  | <b>363.579.232.589</b> |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 468.283.323.541         | 259.002.341.833        |
| 2          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 40.260.565.644          | 10.909.316.383         |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 71.219.220.241          | 41.104.590.364         |
| 4          | Hàng tồn kho                        | 96.153.040.036          | 37.610.195.459         |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác               | 15.669.070.010          | 14.952.788.550         |
| <b>II</b>  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>              | <b>932..019.462.369</b> | <b>862.395.802.446</b> |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn          |                         |                        |
| 2          | Tài sản cố định                     | 504.655.796.287         | 498.044.939.659        |
|            | - Tài sản cố định hữu hình          | 351.929.133.740         | 377.846.052.908        |

|           |                                     |                          |                          |
|-----------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|           | - Chi phí XDCB dở dang              | 152.726.662.547          | 120.198.886.751          |
| 3         | Bất động sản đầu tư                 |                          |                          |
| 4         | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 427.056.508.143          | 330.040.669.185          |
| 5         | Tài sản dài hạn khác                | 307.157.939              | 34.310.193.602           |
|           | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>            | <b>1.623.604.681.841</b> | <b>1.225.975.035.035</b> |
|           | <b>NGUỒN VỐN</b>                    |                          |                          |
| <b>I</b>  | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>396.374.973.653</b>   | <b>397.291.328.674</b>   |
| 1         | Nợ ngắn hạn                         | 362.303.533.672          | 366.182.950.045          |
| 2         | Nợ dài hạn                          | 34.071.439.981           | 31.108.378.629           |
| <b>II</b> | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>1.227.229.708.188</b> | <b>828.683.706.361</b>   |
| 1         | <b>Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>1.227.229.708.188</b> | <b>828.683.706.361</b>   |
|           | - Vốn đầu tư của chủ hữu            | 430.000.000.000          | 400.000.000.000          |
|           | - Thặng dư vốn cổ phần              | 147.271.822.000          |                          |
|           | - Chênh lệch tỉ giá hối đoái        | (6.005.979.455)          | 2.471.402.638            |
|           | - Quỹ đầu tư phát triển             | 278.608.200.995          | 185.787.513.651          |
|           | - Quỹ dự phòng tài chính            | 47.900.377.561           | 29.696.652.394           |
|           | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 329.455.287.087          | 210.728.137.678          |
| 2         | <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>   | <b>0</b>                 | <b>0</b>                 |
|           | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>          | <b>1.623.604.681.841</b> | <b>1.225.975.035.035</b> |

**2 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đvt : đồng

| CHỈ TIÊU                            | NĂM 2010               | NĂM 2009               | +/- % so<br>2009 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------|
| <b>Vốn điều lệ</b>                  | <b>430.000.000.000</b> | <b>400.000.000.000</b> | 8%               |
| Doanh thu thuần                     | 1.028.362.992.200      | 648.310.112.778        | 59%              |
| Lợi nhuận gộp                       | 463.055.604.239        | 233.459.882.221        | 98%              |
| Lợi nhuận từ hoạt động Tài chính    | 20.753.700.843         | 17.843.848.974         | 16%              |
| Chi phí bán hàng                    | 12.071.297.292         | 5.643.247.432          | 114%             |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp        | 72.277.686.332         | 28.547.422.555         | 153%             |
| Lợi nhuận từ hoạt động SXKD         | 399.460.321.458        | 217.113.061.208        | 84%              |
| Lợi nhuận khác                      | 33.086.252.061         | 3.444.926.989          | 860%             |
| Lợi nhuận trước thuế                | 432.546.573.519        | 220.557.988.197        | 96%              |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN             | 393.955.287.087        | 210.728.137.678        | 87%              |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu            | 9.331                  | 5.268                  | 77%              |
| <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>            |                        |                        |                  |
| - Tỷ suất lợi nhuận ST/tổng tài sản | 24,26%                 | 17,19%                 | 41%              |
| - Tỷ suất lợi nhuận ST/doanh thu    | 34,96%                 | 30,68%                 | 14%              |
| - Tỷ suất lợi nhuận ST/vốn CSH      | 32,10%                 | 24,28%                 | 32%              |

Kết quả kinh doanh năm 2010 đã phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của công ty lành mạnh và tăng trưởng tốt.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2010 tăng 153% so năm 2009 ngoài các yếu tố chi phí tiền lương, giá vật tư nhiên liệu tăng còn do thay đổi chính sách kế toán quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC về hạch toán giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước vào chi phí quản lý trong năm giá trị phân bổ còn lại là 33.705.465.498 đồng. Thu nhập khác tăng 860% so năm 2009 chủ yếu từ bán cây cao su thanh lý.

### **3/ Tình hình vốn cổ đông đến 24/3/2010:**

| <b>STT</b> | <b>Đối tượng</b>                    | <b>Số lượng CĐ</b> | <b>Số cổ phần</b> | <b>Tỉ lệ</b> |
|------------|-------------------------------------|--------------------|-------------------|--------------|
| 1          | Cổ đông Nhà nước                    | 01                 | 24.000.000        | 55,81%       |
| 2          | Cổ đông tổ chức, cá nhân trong nước | 851                | 5.123.270         | 11,91%       |
| 3          | Cổ đông tổ chức, cá nhân nước ngoài | 112                | 13.876.730        | 32,27%       |
|            | <b>Tổng cộng:</b>                   | <b>964</b>         | <b>43.000.000</b> | <b>100%</b>  |

Cổ đông lớn hiện tại của Công ty (ngoài cổ đông Nhà nước): là một tổ chức nước ngoài, có số cổ phần sở hữu: 2.150.000 cp; chiếm 5% vốn điều lệ công ty.

### **VI. Tính tuân thủ pháp luật:**

Tất cả hoạt động của công ty đều phù hợp với giấy đăng ký kinh doanh, điều lệ công ty và luật pháp Việt Nam.

Công ty chấp hành tốt chế độ hạch toán kế toán hiện hành, thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước đầy đủ, kịp thời; thực hiện trích nộp các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng hạn

Công ty chấp hành tốt các quy định tiêu chuẩn an toàn vệ sinh môi trường. Trong năm thực hiện xong công trình cải tạo hồ xử lý nước thải nhà máy chế biến Thuận Phú đưa vào hoạt động, đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường của QCVN 01-2008.

Công ty chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

### **VII. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2010:**

#### **1. Chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận:**

Doanh thu bán hàng: 1.028,362 tỷ/737,521 tỷ KH ; đạt: 139,4%

Lợi nhuận trước thuế: 432,546 tỷ/ 232,871 tỷ KH; đạt: 185,74%

**2. Chia cổ tức:** 20% mệnh giá; đã chi trả đợt 1 cho cổ đông: 15% mệnh giá thành tiền 64.500.000.000đ

#### **3. Trích lập các quỹ và thù lao HĐQT, Ban kiểm soát**

Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2009 và trích lập các quỹ: khen thưởng phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông và chi trả thù lao HĐQT, ban Kiểm soát trong năm tổng số tiền là 540.400.000đ.

**4. Thực hiện** ký hợp đồng kiểm toán với công ty TNHH Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) kiểm toán cho năm tài chính 2010.

**5. Phân phối lợi nhuận 2010:**

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2010: 432.546.573.519đ; lợi nhuận tính thuế thu nhập DN: 433.718.599.128đ; thuế thu nhập hoạt động SXKD được ưu đãi thuế suất 15% và giảm 50% = 28.411.996.546đ (378.826.620.615 x 15% x 50%); thuế thu nhập khác không được ưu đãi = 13.722.994.628 (54.891.978.513 x 25%).

Lợi nhuận sau thuế trích lập các quỹ theo quy định và chia cổ tức: 432.546.573.519đ – (28.411.996.546đ + 13.722.994.628đ) + 3.543.704.742 (điều chỉnh thuế thu nhập các năm trước) = 393.955.287.087đ.

**C. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.**

HĐQT và ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý điều hành cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tiến hành đúng theo quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc thảo luận đề ra nghị quyết sát đúng giúp Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thuận lợi.

Các dự án lớn đều được HĐQT cân nhắc thảo luận trước khi đi đến thống nhất. Trong năm HĐQT đã họp biểu quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể: biểu quyết tăng tỉ lệ sở hữu vốn cổ phần công ty cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú, biểu quyết tham gia góp vốn đầu tư trồng cao su với Cty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai, xem xét dự án liên doanh góp vốn chế biến gỗ với Cty TNHH Xây dựng Đồng Phú... Nhìn chung, các nghị quyết được ban hành đã thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

Các quyết định của ban Tổng giám đốc trong năm về củng cố tổ chức bộ máy quản lý các đơn vị trực thuộc, về điều động bổ nhiệm cán bộ được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời.

Các quyết định thanh lý tài sản được ban Tổng giám đốc tổ chức bán đấu giá công khai đúng thủ tục quy định bảo đảm quyền lợi của công ty và các cổ đông.

**D. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:**

Trong năm Ban kiểm soát thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với HĐQT và ban Tổng giám đốc. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc, ban kiểm soát đều được mời tham dự nắm tình hình và tham gia ý kiến. Đối với cổ đông, ban kiểm soát luôn trao đổi cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của công ty và các vấn đề cổ đông quan tâm.

**E. KIẾN NGHỊ:**

1. Qua kết quả giám sát hoạt động của Công ty năm 2010, Ban kiểm soát đề nghị Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện:

- Hoàn tất việc đăng ký quyền sử dụng đất những diện tích còn lại để ngăn ngừa việc tranh chấp xung đột về vấn đề đất đai sau này.

- Có kế hoạch sản xuất đa dạng chủng loại sản phẩm cao su sơ chế, nhằm tiêu thụ hết sản lượng cao su tiểu điền trong vùng, tăng doanh thu lợi nhuận cho công ty; đồng thời với việc có giải pháp quản lý tốt nhất để ngăn chặn việc gian lận trong công tác thu mua.

2. Qua xem xét uy tín, chất lượng và giá cả dịch vụ kiểm toán, Ban kiểm soát giới thiệu các công ty sau:

- Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA-HN)

Kính đề nghị Hội đồng quản trị, đại hội cổ đông chọn một trong ba Công ty nói trên kiểm toán cho năm tài chính 2011, riêng ý kiến ban kiểm soát, căn cứ vào tiến độ và chất lượng kiểm toán kính đề nghị HĐQT, đại hội cổ đông tiếp tục chọn công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Thay mặt Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban Công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

  

---

*Nguyễn Minh Tâm*